TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ – ST
Ngày 17-8-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Đoàn Diễm T**, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 5, ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 5, ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Đoàn Diễm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn M có tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau trong thời gian 01 tháng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại tổ 5, ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung con tên là: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 27/11/2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 12/02/2004.

Hiện nay con đang sống cùng ông M tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi ly hôn bà T không yêu cầu giải quyết về con chung do con chung đã trưởng thành.

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

+ *Về tài sản chung:* Bà T và Nguyễn Văn M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà T và ông Nguyễn Văn M không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai - bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông M thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà T xin ly hôn thì ông M đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung con tên là: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 27/11/2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 12/02/2004.

Hiện nay con đang sống cùng ông M tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi ly hôn ông M không yêu cầu giải quyết về con chung do con chung đã trưởng thành.

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và Nguyễn Văn M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông Nguyễn Văn M không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Diễm T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn M tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và Bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Diễm T và ông Nguyễn Văn M sống chung với nhau vào năm 2001 và đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Đoàn Diễm T và ông Nguyễn Văn M là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà T cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, cuộc sống không hạnh phúc nên bà T xin được ly hôn với ông M. Ông M cũng thống nhất giữa ông M và bà T có mâu thuẫn với nhau và ông M đồng ý ly hôn với bà T.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung con tên là: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 27/11/2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 12/02/2004. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

Hiện nay con chung đang sống cùng ông M tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi ly hôn ông M và bà T không yêu cầu giải quyết về con chung do con chung đã trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và Nguyễn Văn M khẳng định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông Nguyễn Văn M khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Diễm T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Diễm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2/ Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, ông M và bà T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Đoàn Diễm T và Nguyễn Văn M khẳng định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Đoàn Diễm T và ông Nguyễn Văn M khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009929 ngày 30/6/2022.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Lộc Quang*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết